

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp**

**BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

*Căn cứ Luật Giám định tư pháp ngày 20 tháng 6 năm 2012;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp ngày 10 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 85/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Giám định tư pháp;*

*Căn cứ Nghị định số 157/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Giám định tư pháp;*

*Căn cứ Nghị định số 68/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 15/2021/TT-BTNMT ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định giám định tư pháp trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp của Bộ Tài nguyên và Môi trường đối với các ông, bà có tên trong Danh sách kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Vụ trưởng Vụ Pháp chế phối hợp Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ thực hiện cấp thẻ giám định viên tư pháp theo quy định của Luật Giám định tư pháp và Thông tư số 11/2020/TT-BTP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về mẫu thẻ, trình tự, thủ tục cấp mới, cấp lại thẻ giám định viên tư pháp.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Quyết định này thay thế Quyết định số 80/QĐ-BTNMT ngày 13 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp.

Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Thủ trưởng các đơn vị thực thuộc Bộ và các ông/bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Ban Nội chính Trung ương;
- Các Bộ: Quốc phòng, Công an, Tư pháp;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ trưởng, các Thứ trưởng Bộ TN&MT;
- Các đơn vị trực thuộc Bộ;
- Công Thông tin điện tử Chính phủ;
- Công Thông tin điện tử Bộ (để đăng tải);
- Sở TN&MT các tỉnh, thành phố;
- Lưu: VT, PC(DH).



**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỦ TRƯỞNG**



**Nguyễn Thị Phương Hoa**

## DANH SÁCH GIÁM ĐỊNH VIÊN TƯ PHÁP CỦA BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BTNMT ngày tháng năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

STT	Họ và tên	Ngày/tháng/năm sinh	Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ, lĩnh vực chuyên môn được đào tạo	Lĩnh vực chuyên môn giám định tư pháp
<b>I</b>						
<b>LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI</b>						
1.	Đoàn Thị Thanh Mỹ	24/5/1972	Vụ trưởng	Vụ Đất đai	Thạc sĩ Quản lý hành chính công	Lĩnh vực đất đai
2.	Bùi Văn Hải	27/4/1967	Phó Vụ trưởng	Vụ Đất đai	Cử nhân lý luận chính trị	Lĩnh vực đất đai
3.	Nguyễn Đắc Nhân	14/02/1966	Phó Vụ trưởng	Vụ Đất đai	Tiến sỹ Quản lý đất đai	Lĩnh vực đất đai
4.	Nguyễn Đăng Duẩn	27/02/1971	Thanh tra viên chính	Phòng tiếp dân và xử lý đơn thư, Thanh tra Bộ	Thạc sĩ quản lý hành chính công, cử nhân Luật	Đăng ký đất đai
5.	Trần Hải Quang	01/6/1971	Thanh tra viên	Phòng Giám sát và Xử lý sau thanh tra, Thanh tra Bộ	Thạc sĩ Luật	Giá đất
<b>II</b>						
<b>LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG</b>						
6.	Nguyễn Hồng Quang	18/5/1976	Phó Vụ trưởng	Vụ Môi trường	Thạc sỹ, cử nhân Khoa học môi trường; Cử nhân Luật	Lĩnh vực môi trường
7.	Phạm Anh Dũng	29/5/1964	Chuyên viên cao cấp	Vụ Môi trường	Thạc sỹ công nghệ môi trường	Lĩnh vực môi trường
8.	Nguyễn Hoài Đức	04/01/1967	Chuyên viên chính	Vụ Môi trường	Thạc sỹ quản lý khoa học công nghệ; Cử nhân vật lý	Lĩnh vực môi trường
9.	Nguyễn Trung Thuận	15/02/1978	Chuyên viên chính	Vụ Môi trường	Thạc sỹ khoa học môi trường	Lĩnh vực môi trường
10.	Vũ Tài Huy	15/6/1987	Chuyên viên	Vụ Môi trường	Kỹ sư công nghệ hoá học	Lĩnh vực môi trường
11.	Nguyễn Xuân Dũng	04/01/1979	Trưởng phòng	Phòng Sinh thái và Cảnh quan thiên nhiên, Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học	Tiến sỹ Môi trường	Đánh giá thiệt hại hệ sinh thái
12.	Nguyễn Thành Vĩnh	17/6/1974	Trưởng phòng	Phòng Quản lý Di sản thiên nhiên, Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học	Tiến sỹ Nông nghiệp	Đánh giá thiệt hại hệ sinh thái

13.	Trần Trọng Anh Tuấn	27/6/1977	Phó trưởng phòng	Phòng Bảo tồn loài, Nguồn gen và An toàn sinh học, Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học	Thạc sĩ Sinh học	Đánh giá thiệt hại loài động thực vật
14.	Nguyễn Văn Thùy	15/4/1967	Giám đốc	Trung tâm Điều tra, Thông tin và Dữ liệu về môi trường, đa dạng sinh học (thuộc Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học)	Kỹ sư Trắc địa	Đánh giá thiệt hại hệ sinh thái, loài động thực vật
15.	Hoàng Văn Lãm	12/01/1979	Thanh tra viên chính	Phòng Thanh tra tài nguyên và môi trường miền Bắc, Thanh tra Bộ	Thạc sĩ môi trường	Lĩnh vực môi trường
<b>III</b>	<b>LĨNH VỰC ĐỊA CHẤT VÀ KHOÁNG SẢN</b>					
16.	Trần Bình Trọng	28/8/1968	Cục trưởng	Cục Địa chất Việt Nam	Tiến sĩ địa chất	Lĩnh vực địa chất
17.	Lê Quốc Hùng	31/5/1970	Phó Cục trưởng	Cục Địa chất Việt Nam	Tiến sĩ khoa học kỹ thuật	Lĩnh vực địa chất
18.	Trần Mỹ Dũng	02/9/1976	Phó Cục trưởng	Cục Địa chất Việt Nam	Tiến sĩ địa chất	Lĩnh vực địa chất
19.	Nguyễn Trường Giang	10/12/1965	Cục trưởng	Cục Khoáng sản Việt Nam	Tiến sĩ địa chất học	Lĩnh vực khoáng sản
20.	Mai Thế Toàn	20/11/1971	Phó Cục trưởng	Cục Khoáng sản Việt Nam	Tiến sĩ	Lĩnh vực khoáng sản
21.	Trần Phương	24/11/1977	Phó Cục trưởng	Cục Khoáng sản Việt Nam	Tiến sĩ	Lĩnh vực khoáng sản
22.	Lại Hồng Thanh	11/12/1969	Chánh Văn phòng	Hội đồng Đánh giá trữ lượng khoáng sản quốc gia	Tiến sĩ kỹ thuật khai thác mỏ	Lĩnh vực khoáng sản
<b>IV</b>	<b>LĨNH VỰC BIỂN VÀ HẢI ĐẢO</b>					
23.	Nguyễn Đức Toàn	12/12/1973	Cục trưởng	Cục Biển và Hải đảo Việt Nam	TS Công nghệ môi trường	Lĩnh vực biển và hải đảo
24.	Trương Đức Trí	04/10/1971	Phó Cục trưởng	Cục Biển và Hải đảo Việt Nam	TS khoa học MT	Lĩnh vực biển và hải đảo
25.	Nguyễn Thanh Tùng	02/01/1978	Phó Cục trưởng	Cục Biển và Hải đảo Việt Nam	Ths Luật	Chính sách, pháp luật về quản lý tổng hợp tài nguyên, bảo vệ môi trường biển, hải đảo

<b>V LĨNH VỰC KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN</b>						
26.	Nguyễn Nam Dương	05/05/1970	Vụ trưởng	Vụ Quản lý mạng lưới khí tượng thủy văn, Tổng cục Khí tượng thủy văn	Thạc sĩ Quản lý kinh tế	Lĩnh vực khí tượng thủy văn
27.	Vũ Đức Long	15/07/1978	Vụ trưởng	Vụ Quản lý dự báo khí tượng thủy văn, Tổng cục Khí tượng thủy văn	Thạc sĩ Thủy văn	Lĩnh vực khí tượng thủy văn
28.	Lương Hữu Dũng	18/9/1980	Phó Giám đốc điều hành Trung tâm Nghiên cứu Thủy văn và Hải văn	Trung tâm Nghiên cứu Thủy văn và Hải văn, Viện Khoa học Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu	Tiến sĩ Thủy văn học	Lĩnh vực thủy văn
29.	Lê Quốc Huy	31/10/1978	Phó Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu Thủy văn và Hải văn	Trung tâm Nghiên cứu Thủy văn và Hải văn, Viện Khoa học Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu	Tiến sĩ Hải dương học	Lĩnh vực hải văn
30.	Văn Thị Hằng	20/11/1981	Phó Trưởng phòng điều hành	Trung tâm Nghiên cứu Thủy văn và Hải văn, Viện Khoa học Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu	Thạc sĩ Thủy văn học	Lĩnh vực thủy văn
31.	Vũ Văn Thắng	26/3/1978	Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu Khí tượng - Khí hậu	Trung tâm Nghiên cứu Khí tượng - Khí hậu, Viện Khoa học Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu	Tiến sĩ Khí tượng và khí hậu học	Lĩnh vực khí tượng và khí hậu học
32.	Trương Bá Kiên	10/7/1986	Phó Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu Khí tượng - Khí hậu	Trung tâm Nghiên cứu Khí tượng - Khí hậu, Viện Khoa học Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu	Thạc sĩ Khí tượng	Lĩnh vực khí tượng
33.	Trần Đình Trọng	20/9/1970	Trưởng phòng	Trung tâm Nghiên cứu Khí tượng - Khí hậu,	Thạc sĩ Vật lý khí quyển	Lĩnh vực vật lý khí quyển

				Viện Khoa học Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu		
34.	Nguyễn Hữu Quyền	13/5/1974	Phó Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu Khí tượng Nông nghiệp	Trung tâm Nghiên cứu Khí tượng Nông nghiệp, Viện Khoa học Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu	Tiến sĩ Khí tượng và khí hậu học	Lĩnh vực khí tượng và khí hậu
<b>VI</b>	<b>LĨNH VỰC ĐO ĐẠC, BẢN ĐỒ VÀ THÔNG TIN ĐỊA LÝ</b>					
35.	Hoàng Ngọc Lâm	11/03/1971	Cục trưởng	Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam	Tiến sĩ Trắc địa	Lĩnh vực trắc địa bản đồ
36.	Phan Ngọc Mai	07/01/1969	Phó Cục trưởng	Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam	Kỹ sư Trắc địa	Lĩnh vực trắc địa bản đồ
37.	Hoàng Ngọc Huy	05/02/1980	Phó Cục trưởng	Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam	Thạc sĩ Bản đồ viễn thám và Hệ thống thông tin địa lý	Lĩnh vực trắc địa bản đồ
38.	Dương Văn Hải	16/03/1969	Phó Cục trưởng	Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam	Thạc sĩ Bản đồ viễn thám và Hệ thống thông tin địa lý	Lĩnh vực trắc địa bản đồ
39.	Đỗ Thị Hoài	05/06/1976	Giám đốc Trung tâm Triển khai công nghệ Đo đạc và Bản đồ	Viện Khoa học Đo đạc và Bản đồ	Tiến sĩ kỹ thuật trắc địa Bản đồ	Lĩnh vực trắc địa bản đồ
40.	Lại Văn Thủy	04/04/1968	Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính	Viện Khoa học Đo đạc và Bản đồ	Tiến sĩ Kỹ thuật Trắc địa Bản đồ	Lĩnh vực trắc địa bản đồ
<b>VII</b>	<b>LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC</b>					
41.	Châu Trần Vĩnh	25/7/1976	Cục trưởng	Cục Quản lý tài nguyên nước	Thạc sĩ địa chất thủy văn	Lĩnh vực địa chất thủy văn
42.	Nguyễn Minh Khuyến	15/11/1971	Phó Cục trưởng	Cục Quản lý tài nguyên nước	Tiến sĩ địa chất thủy văn	Lĩnh vực địa chất thủy văn
43.	Ngô Mạnh Hà	03/6/1982	Phó Cục trưởng	Cục Quản lý tài nguyên nước	Thạc sĩ thủy văn học	Lĩnh vực thủy văn
44.	Nguyễn Hồng Hiếu	02/5/1977	Phó Cục trưởng	Cục Quản lý tài nguyên nước	Thạc sĩ địa chất thủy văn	Lĩnh vực địa chất thủy văn

<b>VIII LĨNH VỰC VIỄN THÁM</b>						
45.	Trần Tuấn Ngọc	04/4/1967	Cục trưởng	Cục Viễn thám quốc gia	Tiến sĩ bản đồ viễn thám và GIS	Lĩnh vực viễn thám
46.	Chu Hải Tùng	12/6/1968	Phó Cục trưởng	Cục Viễn thám quốc gia	Tiến sĩ Bản đồ viễn thám	Lĩnh vực viễn thám
47.	Lê Quốc Hưng	14/10/1973	Phó Cục trưởng	Cục Viễn thám quốc gia	Tiến sĩ Viễn thám Môi trường	Lĩnh vực viễn thám